

Bản án số: 185/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 26/7/2023

V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Anh Thư.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Thiện Lai;

2. Ông Nguyễn Văn Hồng.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Lê Hồng Duyên, Thư ký Toà án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thụy Thùy Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 391/2023/TLST-HNGĐ về việc tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 345/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Lê Thị Th, sinh năm 1967; địa chỉ: ấp L 2, xã A, huyện C, tỉnh An Giang (Có mặt);

2. **Bị đơn:** Ông Lê Văn H, sinh năm 1968 (theo chứng minh nhân dân sinh năm 1971); địa chỉ: ấp L 2, xã A, huyện C, tỉnh An Giang; Chỗ ở hiện nay: ấp L 1, xã A, huyện C, tỉnh An Giang (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các biên bản làm việc, Nguyên đơn bà Lê Thị Th trình bày: Bà và ông H do tìm hiểu và đi đến hôn nhân vào cuối năm 1987, được sự đồng thuận giữa hai bên gia đình có tổ chức lễ cưới, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn. bà và ông H chung sống tại ấp L 2, L A, huyện C. Bà và ông H chung sống hạnh phúc đến

năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, thời gian chung sống thường xảy ra bất hòa, không có tiếng nói chung và bắt đầu ly thân nhau từ đó đến nay, không ai tới lui với nhau. Nay bà yêu cầu được ly hôn với ông H; Về quan hệ con chung: Có 01 con chung tên Lê Thị Thùy D, sinh năm 1988, hiện đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về quan hệ tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về quan hệ nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà Lê Thị Th giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông Lê Văn H trình bày, ông và bà Th do tìm hiểu và đi đến hôn nhân vào cuối năm 1987, được sự đồng thuận giữa hai bên gia đình có tổ chức lễ cưới, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trước khi kết hôn ông sinh sống và đăng ký thường trú tại ấp L 1, xã A, sau khi kết hôn ông về sinh sống với bà Th tại ấp L 2, xã A, huyện C. Thời gian chung sống vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, thời gian chung sống thường xảy ra bất hòa, không có tiếng nói chung, vợ chồng ly thân nhau từ đó đến nay, không ai tới lui với nhau. Nay bà Th yêu cầu ly hôn ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Th; Về quan hệ con chung: Có 01 con chung tên Lê Thị Thùy D, sinh năm 1988, hiện đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Theo chứng minh nhân dân năm sinh của ông là 1971, nhưng thực tế ông sinh năm 1968, nên trong giấy khai sinh con ông thể hiện ông sinh năm 1968. Do đó, ông xác định năm sinh 1968 trong bản sao Giấy khai sinh và năm sinh 1971 theo giấy chứng minh nhân dân là cùng một người.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng. Về ý kiến giải quyết: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình:

Không công nhận bà Lê Thị Th và ông Lê Văn H là vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Lê Thị Th yêu cầu ly hôn với ông Lê Văn H, ông H có nơi cư trú ấp L 1, xã A huyện C, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn ông Lê Văn H có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông H là có căn cứ.

[3] Bà Lê Thị Th yêu cầu ly hôn với ông Lê Văn H, Hội đồng xét xử xét thấy, bà Th và ông H đều xác định, ông, bà chung sống với nhau vào khoảng cuối năm 1987, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, là quan hệ hôn nhân không hợp pháp, không được pháp luật thừa nhận và bảo vệ, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, khi có yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn thì Tòa án không công nhận bà Th, ông H là vợ chồng phù hợp với Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

[4] Về quan hệ con chung: Bà Th và ông H đều xác định trong thời gian chung sống, bà Th và ông H có 01 con chung tên Lê Thị Thùy D, sinh năm 1988, hiện đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về quan hệ tài sản chung: Bà Th và ông H đều xác định không có, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] Về quan hệ nợ chung: Bà Th và ông H đều xác định không có, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[7] Án phí hôn nhân sơ thẩm: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Các Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Th đối với ông Lê Văn H.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Lê Thị Th và ông Lê Văn H là vợ chồng.

- Về quan hệ con chung: Có 01 con chung tên Lê Thị Thùy D, sinh năm 1988, hiện đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ tài sản chung: Không có.

- Về quan hệ nợ chung: Không có. Ghi nhận việc bà Lê Thị Th và ông Lê Văn H xác định không có nợ chung trong thời kỳ hôn nhân, nhưng sau khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có người khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, thì bà Lê Thị Th và ông Lê Văn H phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, bà Lê Thị Th phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, theo biên lai thu số **0013701 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 31 tháng 5 năm 2023. Bà Lê Thị Th đã nộp đủ án phí.**

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND H. Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H. Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Anh Thư

